

I. NỘI DUNG

1. Thể loại, kiểu văn bản

a. Truyện

Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết tiêu biểu, cốt truyện, ngôn ngữ, nhân vật,...) và phân tích được nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp; tình cảm, thái độ của người kể chuyện;...) mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.

b. Thơ Đường luật

Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình và thơ trào phúng trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết, phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố thi luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) của thể thơ thất ngôn bát cú, thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật và một số thủ pháp nghệ thuật của thơ trào phúng.

2. Tiếng việt

a. Từ ngữ toàn dân, địa phương và biệt ngữ xã hội.

Nhận biết và hiểu tác dụng của các từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội trong đời sống và trong tác phẩm văn học.

b. Biện pháp tu từ: Đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh

Hiểu được đặc điểm, tác dụng và biết sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.

3. Làm văn

- Viết đoạn văn/bài văn phân tích một tác phẩm thơ
- Viết được đoạn văn/bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật dùng trong tác phẩm
- Viết được đoạn/ bài văn NLXH về một vấn đề đời sống

II. LUYỆN TẬP

Bài tập 1: Tìm những từ địa phương trong đoạn thơ sau, cho biết những từ đó được sử dụng ở địa phương nào? Tìm những từ toàn dân tương ứng với những từ đó?

Ghé tai mẹ, hỏi tò mò
Có rằng ông cũng ưng cho mẹ chèo?
Mẹ cười: Nói cứng, phải xiêu
Ra khơi ông còn dám, tui chẳng liêu bằng ông!
Nghe ra ông cũng vui lòng
Tui đi, còn chạy ra sông dặn dò:
“Coi chừng sóng lớn, gió to
Màn xanh đây mụ, đắp cho kín mình
(Mẹ suốt - Tố Hữu)

Bài tập 2: Tìm từ địa phương trong các câu thơ sau, nếu thay bằng từ toàn dân thì sự diễn đạt có gì thay đổi không?

- a. Anh tưởng giếng nước sâu anh nổi sợi dây dài
Ngờ đâu giếng cạn anh tiếc hoài sợi dây
- b. Nỗi niềm chi rứa Huế ơi,
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên?

Bài tập 3: Xác định biệt ngữ xã hội trong các câu sau, giải thích nghĩa của chúng và cho biết các biệt ngữ xã hội ấy thường sử dụng cho đối tượng nào?

- a. An: Cái áo này bao nhiêu chai mà xịn xò thế?
Toàn: Hai chai.

b. Cóm đang đến, bọn mày lặn đi, lờ xó là đi bóc lịch như chơi.

Bài tập 4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các trường hợp sau:

a) “Trắng tròn như hạt nếp hạt tẻ đầu mùa, hoa sấu kéo dài con đường hoa nhiều quãng cộm hẳn lên như cót gạo nào của khu phố bung vãi ra.” (Nguyễn Tuân)

b) Trong xanh ánh mắt
Trong vắt nhãn lồng
Chim ăn nhãn ngọt
Bồi hồi nhớ ông!
(Trần Kim Dũng)

c)
Mỗi mùa xuân thom lừng hoa bưởi
Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương
...
Đẹp lắm anh ơi! Con sông Ngân Phố!
Sáng cả đôi bờ hoa bưởi trắng phau!
(Tô Hùng)

d) Đã qua rồi cái thời túp lều nửa sàn nửa đất, xiêu vẹo dựa vào lưng núi. Ngày nay, bốn mươi ngôi nhà, cột gỗ kê đá tảng, nằm giữa các vườn hoa quả.
(Đặng Quang Tình)

e)
Dừng chân nghỉ lại Nha Trang,
Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyết vời.
Xanh xanh mặt biển da trời,
Cảnh sao quyến rũ lòng người khó quên.
(Sóng Hồng)

Bài tập 5: Xác định câu hỏi tu từ trong các trường hợp sau đây. Nêu tác dụng của mỗi câu hỏi tu từ đó.

a.
Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong.
(Trích Tống biệt hành – Thâm Tâm)

b. Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? (Trích Nhớ rừng- Thế Lữ)

c.
Vì sao hỡi miền Nam yêu dấu
Người không hề tiếc máu hi sinh?
Vì sao hỡi miền Nam chiến đấu
Người hiên ngang không chịu cúi mình?
(Tố Hữu)

Bài tập 6. Tìm từ tượng hình, tượng thanh trong những trường hợp sau:

a) Ai thổi sáo gọi trâu đây đó
Chiều in nghiêng trên mảng núi xa
Con trâu trắng dẫn đàn lên núi
Vẻn đôi tai nghe sáo trở về
Trâu đực chạy rầm rầm như hổ
Trâu thiến dong từng bước hiền lành
Cổ lừng lững như chum, như vại
Móng hén hẳn in mép cỏ xanh

Những chú ghé lông tơ mũm mĩm
Mũi phập phồng đánh cánh hoa mua
Cổng trại mở trâu vào chen chúc
Chiều rộn ràng trong tiếng ghé ơ

(Trích *Tháng năm mùa gặt*, Ngô Văn Phú)

- b) Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời.

(Trích *Tây Tiến*, Quang Dũng)

c)

Tao đi học về nhà
Là mây chạy xô ra
Đầu tiên mây rối rít
Cái đuôi mừng ngoáy tí
Rồi mây lắc cái đầu
Khịt khịt mũi, rung râu
Rồi mây nhún chân sau
Chân trước chồm, mây bắt
Bắt tay tao rất chặt
Thế là mây tắt bật
Đưa vôi tao vào nhà
Dù tao đi đâu xa
Cũng nhớ mây lăm đấy
Hôm nay tao bỗng thấy
Cái cổng rộng thế này!

Vì không thấy bóng mây
Nằm chờ tao trước cửa
Không nghe tiếng mây sủa
Như những buổi trưa nào
Không thấy mây đón tao
Cái đuôi vàng ngoáy tí
Cái mũi đen khịt khịt
Mây không bắt tay tao
Tay tao buồn làm sao!

(Trích *Sao không về Vàng ơi*, Trần Đăng Khoa)

d) Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt.

Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

- Thầy hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tíu và ngồi xuống đó, như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kê vào đến miệng. Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

(Trích *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

e)

... Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị

Màu quê hương bền bỉ đậm đà

Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta

Ta bỗng lớn ở bên Người một chút...

Bác Hồ đó, ung dung châm lửa hút
Trán mênh mông, thanh thản một vùng trời
Không gì vui bằng mắt Bác Hồ cười
Quên tuổi giờ, tươi mãi tuổi đôi mươi!
Người rực rỡ một mặt trời cách mạng
Mà để quốc là loài dơi hốt hoảng
Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người

(Trích *Sáng tháng Năm*, Tố Hữu)

- c) Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi cánh tay kệnh kệnh ra hai bên, những khối bịt ở bên dưới nách kệnh ra và trông

tửn ngửn như ngắn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chũng chạc và hơi bệ vệ.

Bài tập 7. Trong các từ sau, từ nào là từ tượng hình, từ nào là từ tượng thanh?

Réo rất, dềnh dàng, diu dặt, thập thò, mấp mô, sầm sập, gập ghềnh, đờ đẫn, ú ớ, rộn ràng, thườn thượt, rũng rình, lụ khụ.

Bài tập 8: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

PHÒ GIÁ VỀ KINH^(*) (Trần Quang Khải)

Phiên âm: <i>Đoạt sáo Chương Dương độ Cầm Hồ Hàm Tử quan Thái bình tu trí lực Vạn cổ thử giang san</i>	Dịch nghĩa: <i>Cướp giáo giặc ở bến Chương Dương, Bắt quân Hồ ở cửa Hàm Tử. Thái bình rồi nên dốc hết sức lực, Muôn đời vẫn có non sông này.</i>
--	--

Dịch thơ:

*Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.*

(*) Trần Quang Khải (1241 – 1294) là một võ tướng kiệt xuất, có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên (1284-1285; 1287-1288), đặc biệt là trong hai trận chiến thắng ở Hàm Tử và Chương Dương.

Bài thơ “Phò giá về kinh” được làm khi Trần Quang Khải đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long (Hà Nội ngày nay) ngay sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và giải phóng kinh đô năm 1285.

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ đầu.

Câu 3: Nêu tình cảm, thái độ của nhà thơ thể hiện qua bài thơ.

Câu 4: Qua bài thơ, viết đoạn văn (7 – 9 dòng) để trả lời câu hỏi: Thế hệ trẻ cần làm gì để góp phần xây dựng đất nước bền vững muôn đời?

Bài tập 9 : Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ (Nguyễn Khuyến)

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta.*

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Trong bài thơ “Bạn đến chơi nhà”, nhân vật trữ tình đề cao điều gì?

Câu 3. Anh/ Chị nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho bạn?

Câu 4. Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) trình bày suy nghĩ về vai trò của những giá trị tinh thần trong cuộc sống của mỗi người.

Bài tập 10: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhón mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc

giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rom, để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó.

(Trích Nhà mẹ Lê – Thạch Lam)

Câu 1: Văn bản trên có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt nào? Tác dụng của việc kết hợp đó là gì?

Câu 2: Nêu nội dung chính của văn bản trên?

Câu 3: Nhân vật chính trong văn bản trên là ai? Anh/chị cảm nhận như thế nào về nhân vật đó?

Câu 4: Tìm và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ bất kì được tác giả sử dụng trong văn bản trên.

Câu 5: Theo anh/chị, nhà văn đã thể hiện tình cảm gì đối với nhân vật? Anh/chị hãy nhận xét về tình cảm đó.

Câu 6: Viết đoạn văn khoảng 8-10 câu, nêu suy nghĩ của em về tình mẫu tử

Bài tập 11: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

ÁO TẾT

Con Bé Em cười tủm tỉm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:

- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.

Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích bạn nó.

Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con Bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá trời nên tính trước, nếu mừng Một con Bé Em đi về ngoại thì mừng Hai hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con Bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thật nơ, bâu viền kim tuyến cho tụi bạn lệ con mắt luôn.

Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi xách cần cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bầy đặt nói gièm:

- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mầy có đồ mới chưa?

- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dồn đông, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.

- Vậy mầy được mấy bộ?

- Có một bộ hà.

Con Bé Em trợn mắt:

- Ít quá vậy?

- Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

- Vậy à?

Bé Em mất hứng hẳn, nó lựng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không.

Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:

- Còn mầy?

- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mừng Một tới mừng Bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết tron. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sẩy luôn.

- Mầy sướng rồi.

Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con Bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh Hai nó để lại. Áo nó thì chuyên cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mềm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chó không so đo chuyện cũ mới. Má nó nói hoài: “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”. Con Bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:

- Bộ đồ mây may chắc đẹp lắm, bữa mừng Hai mây mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Rồi tới mừng Một, mừng Hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bầu sen, con Bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bụi. Cô giáo tụi nó khen:

- Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.

Hai đứa cười. Lúc đó con Bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chứ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, Bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý Bé Em. Thiệt đó.

(Nguyễn Ngọc Tư, Áo Tết, in trong Xa xóm Mũi, NXB Kim Đồng, 2023)

* Chú thích: Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, tại tỉnh Cà Mau, là một trong những nhà văn nữ nổi tiếng. Bà bắt đầu viết văn từ năm 1997 và nhanh chóng gây được tiếng vang với những truyện ngắn mang đậm chất Nam Bộ như “Sông nhỏ lở quanh”, “Nước chảy mây trôi”... Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư thường tập trung vào đề tài cuộc sống của người dân miền Tây sông nước. Bà có một vốn sống phong phú và một khả năng quan sát tinh tế, giúp bà khắc họa thành công những con người và mảnh đất Nam Bộ. Nguyễn Ngọc Tư là một nhà văn giàu cảm xúc và có lối viết độc đáo. Bà sử dụng ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng vẫn giàu chất thơ, tạo nên những câu chuyện vừa chân thực vừa lãng mạn.

Câu 1: Xác định ngôi kể của văn bản.

Câu 2: Em hiểu như thế nào về lời khen của cô giáo: Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.

Câu 3: Nhân vật Bé Em cuối cùng đã mặc trang phục như thế nào khi đến nhà cô giáo? Lựa chọn đó thể hiện Bé Em là cô bé như thế nào?

Câu 4: Chỉ ra và cho biết ý nghĩa của thành phần biệt lập trong câu văn sau:

- Bộ đồ mây may chắc đẹp lắm, bữa mừng Hai mây mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Câu 5: Bạn bè phải vậy chứ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, Bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý Bé Em. Theo em cần làm gì để có một tình bạn đẹp và chân thành?

Câu 6: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ phân tích nhân vật Bé Em của truyện ngắn “Áo Tết” trong phần đọc hiểu.

Câu 7: “Biết yêu thương, chia sẻ có ý nghĩa rất lớn trong cuộc sống. Khi ta biết yêu thương, chia sẻ thì chúng ta sẽ nhận lại niềm vui, sự tôn trọng của mọi người, cuộc sống sẽ trở nên vui vẻ và hạnh phúc hơn.”

Viết bài văn nghị luận khoảng 400 chữ làm rõ ý kiến trên.

BGH xác nhận

TTCM

GVBM

Tạ Thúy Hà

Nguyễn Thị Kim Thanh

Nguyễn Thị Thu Trang

